

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường S - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn C - Phó Giám đốc Văn phòng Đ. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Phạm T7, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1985. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị D1, sinh năm 1995. Có mặt.

+ Bà Phạm Thị Tuyết Á, sinh năm 1991. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1998. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Phạm Thanh M, sinh năm 1990. Có mặt.

+ Bà Trần Thị N1, sinh năm 1966. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

+ Ông Trần Việt T3, sinh năm 1977; địa chỉ: Căn hộ C, chung cư T, số I P, phường M, quận C, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị B, sinh năm 1982. Vắng mặt.

+ Bà Trần Hoài P; sinh năm 1995. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện, người đại diện theo uỷ quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Trước năm 1975, mẹ bà Phạm Thị L là bà Đinh Thị L1, sinh năm 1932 (chết năm 2003) có khai hoang và sử dụng ổn định 02 thửa đất, cụ thể: Thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 571,1m², mục đích sử dụng: đất màu (theo cơ sở dữ liệu đất đai là thửa đất số 153, tờ bản đồ số 07). Thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm (theo cơ sở dữ liệu đất đai là thửa đất số 1569, tờ bản đồ số 07); cùng địa chỉ: Tổ E, thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Vào ngày 14/12/2022 khi UBND xã T hoà giải tranh chấp đất giữa bà Phạm Thị L với ông Phạm Trung liên Q đến diện tích đất nhà ở của bà L thì bà L phát hiện ông Phạm T7 (anh ruột bà L) tự ý đi làm thủ tục kê khai và đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên khi chưa có sự đồng ý của bà L. Việc Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm T7 là không đúng nguồn gốc đất, vì nguồn gốc 02 thửa đất trên là của mẹ bà L không phải của ông Phạm Trung .

Do đó, bà **Phạm Thị L** khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết những nội dung sau:

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 802588 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 24/9/2004 cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 571,1m², loại đất màu và thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m², loại đất ở + đất vườn tại **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**.

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 371413 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 19/7/2019 cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 1569, tờ bản đồ số 07, diện tích 795m² tại **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**.

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 371414 ngày 19/7/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 07, diện tích 571,1m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hằng năm khác.

Tại phiên tòa người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu: Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 802588 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 24/9/2004 cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 571,1m², loại đất màu và thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m², loại đất ở + đất vườn tại **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**.

Theo Công văn số 1394/UBND-TNMT ngày 10/7/2023, UBND huyện N có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L như sau:

Theo hồ sơ 64/CP xã T thể hiện, bà **Đinh Thị L1** đứng tên chủ sử dụng tại các thửa đất số 54, 409 và 410, tờ bản đồ số 01 và đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSD đất) số vào sổ 0068/QSDĐ (số phát hành G 689378) ngày 04/01/1996.

Ngày 22/01/2003, bà **Đinh Thị L1** chết theo Giấy chứng tử số 07 Quyền số 01/01 được UBND xã T xác nhận ngày 28/4/2003.

Ngày 15/4/2003, các con của bà **Đinh Thị L1** gồm: Ông **Phạm T7** (con trai trưởng), bà **Phạm Thị C1** (con gái thứ) và bà **Phạm Thị L** (con gái thứ) lập Biên bản họp gia đình với nội dung: “*Thống nhất giao toàn bộ tài sản nhà cửa, vườn tược đất đai trong đó có cây lâu niên như dừa, thông, tre, bạc hà và Giấy CNQSD đất số G 689378 cho ông Phạm Trung T4 quyền sử dụng, canh tác*” và “*trước đây mẹ còn sống có hứa cho con gái là Phạm Thị L 01 nên nhà thuộc đất thổ cư (đất vườn) chiều ngang 6m, chiều dài 25m, diện tích 150m². Nay anh em thống nhất giao cho em Phạm Thị L trọn quyền sử dụng lâu dài, tách bì đỏ*”.

Ngày 12/8/2003, ông **Phạm Trung lập T5** khai thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 544m², loại đất màu và thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m², loại đất thổ cư và được UBND xã T xác nhận 03/9/2004 với nội dung:

+ Về giấy tờ sử dụng đất: Giấy CNQSD đất số G 689378 của bà **Đinh Thị L1** thừa kế cho ông **Phạm Trung** .

+ Về hiện trạng thửa đất:

Thửa 410, tờ số 1, diện tích thửa kê: Đất ở 300m² + vườn 495m²; .

Thửa 409, tờ số 1, diện tích thửa kê: 544m² đất màu.

Về điều kiện thửa kê quyền sử dụng đất: Con ruột; theo Biên bản họp gia đình”.

Ngày 05/8/2004, UBND xã T có Tờ trình số 49/TTr-UB về việc xóa bỏ thửa đất trong Giấy CNQSD đất, theo đó, UBND xã đề nghị UBND huyện xóa thửa đất số 54, tờ bản đồ số 01, diện tích 644m², loại đất 2L trong Giấy CNQSD đất đã cấp cho bà Đình Thị L1 vì lý do thửa đất này do bà Đình Thị L1 (ở khác thôn) quản lý, sử dụng.

Ngày 24/9/2004, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1945/QĐ-UB về việc thừa nhận quyền thừa kế và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo đó, UBND huyện thu hồi Giấy CNQSD đất số G 689378 ngày 04/01/1996 của bà Đình Thị L1 đồng thời thừa nhận thừa kế và cấp Giấy CNQSD đất số Đ 802588 cho hộ ông Phạm T7 với diện tích 1.339m² gồm thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m² (300m² đất ở và 495m² đất vườn) và thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 544m², loại đất màu. Như vậy, việc UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất số Đ 802588 ngày 24/9/2004 cho hộ ông Phạm T7 tại thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m², loại đất ở và đất vườn và thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 544m², loại đất màu là đúng quy định của pháp luật.

Phần diện tích còn lại của thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01 sau khi thừa kế, cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Phạm T7 (945m² - 795m² = 150m²) đã được chỉnh lý trên hồ sơ 64/CP thành thửa đất số 933, tờ bản đồ số 01, diện tích 150m² do bà Phạm Thị L đứng tên chủ sử dụng đất.

Ngày 09/7/2019, ông Phạm T7 có đơn cấp đổi Giấy CNQSD đất tại thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m² (300m² đất ở và 495m² đất vườn) và thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 544m², loại đất màu. Ngày 19/7/2019, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi Giấy CNQSD đất số CQ 371414 tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 07, diện tích 571,1m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hằng năm khác (đo đạc lại từ thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01) và Giấy CNQSD đất số CQ 371413 tại thửa đất số 1569, tờ bản đồ số 07, diện tích 795m², loại đất ở và trồng cây lâu năm (đo đạc lại từ thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01). Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét không chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Phạm Thị L.

Theo Công văn số 2203/STNMT-VPĐK ngày 12/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L như sau:

Hộ ông Phạm T7 sử dụng đất tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 544m², loại đất màu và thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m², loại đất ở + đất vườn, trong đó có 300m² đất ở được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 802588 ngày 24/9/2004 tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 23/4/2019, UBND huyện N chỉnh lý biến động với nội dung:

- Thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, theo hồ sơ cơ sở dữ liệu là thửa đất số 153, tờ bản đồ số 7, diện tích 571,1m².

- Thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, theo hồ sơ cơ sở dữ liệu là thửa đất số 1569, tờ bản đồ số 7, diện tích 795m², trong đó có 300m² đất ở.

Ngày 09/7/2019, hộ ông **Phạm Trung L2** đơn xin cấp đổi đối với 02 thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 571,1m²; thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m². Qua kết quả kiểm tra, thẩm định hồ sơ xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông **Phạm T7**, **Văn phòng Đ** trình hồ sơ đến **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp đổi 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 371413 đối với thửa đất số 1569, tờ bản đồ số 07, diện tích 795m², mục đích sử dụng đất: đất ở + đất vườn và số CQ 371414 đối với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 07, diện tích 571,1m², mục đích sử dụng đất: đất trồng cây hằng năm khác.

Do vậy, việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 371413 và CQ 371414 của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** là đúng quy định pháp luật.

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Ông **Phạm T7**, bà **Phạm Thị T1** và bà **Phạm Thị D1** trình bày: Không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị L**.

+ Ông **Phạm Thanh M** và bà **Trần Thị N1** trình bày: Thống nhất với nội dung khởi kiện của bà **Phạm Thị L**, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 130/2024/HC-ST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện người khởi kiện đã rút về yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 802588 do **Ủy ban nhân dân huyện N** cấp ngày 24/9/2004 cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 571,1m², loại đất màu và thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m², loại đất ở + đất vườn tại **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**.

[2] Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 680 Bộ luật Dân sự năm 1995; Luật Đất đai năm 1993; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà **Phạm Thị L**:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 371413 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 19/7/2019 cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 1569, tờ bản đồ số 07, diện tích 795m² tại **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 371414 ngày 19/7/2019 do [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) cấp cho hộ ông [Phạm T7](#) đối với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 07, diện tích 571,1m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hằng năm khác.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/8/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà [Phạm Thị D1](#) kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và xem xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo bà [Phạm Thị D1](#) giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[2] Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Ngày 14/12/2022, khi hoà giải tranh chấp đất đai với ông [Phạm Trung T6 UBND xã T, huyện N](#) đối với thửa đất bà [Phạm Thị L](#) đang sử dụng thì bà [L](#) mới biết được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 371413 do [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) cấp ngày 19/7/2019 cho hộ ông [Phạm T7](#) đối với thửa đất số 1569, tờ bản đồ số 07, diện tích 795m² tại [thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam](#) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 371414 ngày 19/7/2019 do [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) cấp cho hộ ông [Phạm T7](#) đối với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 07, diện tích 571,1m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hằng năm khác. Đến ngày 18/4/2023, bà [Phạm Thị L](#) có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 371413 do [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) cấp ngày 19/7/2019 cho hộ ông [Phạm T7](#) đối với thửa đất số 1569, tờ bản đồ số 07, diện tích 795m² tại [thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam](#).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 371414 ngày 19/7/2019 do [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) cấp cho hộ ông [Phạm T7](#) đối với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 07, diện tích 571,1m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hằng năm khác.

[2.1] Về nguồn gốc, quá trình kê khai đăng ký, sử dụng các thửa đất tranh chấp:

Theo hồ sơ 64/CP xã T thể hiện, bà **Đinh Thị L1** đứng tên chủ sử dụng tại các thửa đất số 54, 409 và 410, tờ bản đồ số 01 và đã được **UBND huyện N** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSD đất) số vào số 0068/QSDĐ (số phát hành G 689378) ngày 04/01/1996.

Ngày 22/01/2003, bà **Đinh Thị L1** chết theo Giấy chứng tử số 07 Quyền số 01/01 được **UBND xã T** xác nhận ngày 28/4/2003.

Ngày 15/4/2003, các con của bà **Đinh Thị L1** gồm: Ông **Phạm T7** (con trai trưởng), bà **Phạm Thị C1** (con gái thứ) và bà **Phạm Thị L** (con gái thứ) lập Biên bản họp gia đình với nội dung: “*Thống nhất giao toàn bộ tài sản nhà cửa, vườn tược đất đai trong đó có cây lâu niên như dừa, thông, tre, bạc hà và Giấy CNQSD đất số G 689378 cho ông **Phạm T7** được trọn quyền sử dụng, canh tác*” và “*trước đây mẹ còn sống có hứa cho con gái là **Phạm Thị L** 01 nên nhà thuộc đất thổ cư (đất vườn) chiều ngang 6m, chiều dài 25m, diện tích 150m². Nay anh em thống nhất giao cho em **Phạm Thị L** trọn quyền sử dụng lâu dài, tách bìa đồ*”.

Ngày 12/8/2003, ông **Phạm Trung lập T5** khai thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 544m², loại đất màu và thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m², loại đất thổ cư và được **UBND xã T** xác nhận 03/9/2004 với nội dung:

+ Về Giấy tờ sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 689378 của bà **Đinh Thị L1** thừa kế cho ông **Phạm Trung** .

+ Về hiện trạng thửa đất:

Thửa 410, tờ số 01, diện tích thừa kế: Đất ở 300m² + vườn 495m².

Thửa 409, tờ số 01, diện tích thừa kế: 544m² đất màu.

Về điều kiện thừa kế quyền sử dụng đất: Con ruột; theo Biên bản họp gia đình”.

Ngày 05/8/2004, **UBND xã T** có Tờ trình số 49/TTr-UB về việc xóa bỏ thửa đất trong Giấy CNQSD đất; theo đó, **UBND xã** đề nghị **UBND huyện** xóa thửa đất số 54, tờ bản đồ số 01, diện tích 644m², loại đất 2L trong Giấy CNQSD đất đã cấp cho bà **Đinh Thị L1** vì lý do thửa đất này do bà **Đinh Thị L1** (ở khác thôn) quản lý, sử dụng.

Ngày 24/9/2004, **UBND huyện N** ban hành Quyết định số 1945/QĐ-UB về việc thừa nhận quyền thừa kế và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo đó, **UBND huyện** thu hồi Giấy CNQSD đất số G 689378 ngày 04/01/1996 của bà **Đinh Thị L1** đồng thời thừa nhận thừa kế và cấp Giấy CNQSD đất số Đ 802588 cho hộ ông **Phạm T7** với diện tích 1.339m² gồm thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m² (300m² đất ở và 495m² đất vườn) và thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 544m², loại đất màu.

Phần diện tích còn lại của thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01 sau khi thừa kế, cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông **Phạm T7** (945m² - 795m² = 150m²) đã được chỉnh lý trên hồ sơ 64/CP thành thửa đất số 933, tờ bản đồ số 01, diện tích 150m² do bà **Phạm Thị L** đứng tên chủ sử dụng đất.

Ngày 09/7/2019, ông **Phạm T7** có đơn cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m² (300m² đất ở và

495m² đất vườn) và thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 544m², loại đất màu; ngày 19/7/2019, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 371414 tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 07, diện tích 571,1m², loại đất trồng cây hàng năm khác (đo đạc lại từ thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 371413 tại thửa đất số 1569, tờ bản đồ số 07, diện tích 795m², loại đất ở và trồng cây lâu năm (đo đạc lại từ thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01).

[2.2] Bà **Đình Thị L1** (sinh năm 1932, chết năm 2003), có chồng là ông **Phạm Đình T7** (sinh năm 1932, chết năm 1969). Sinh thời, bà **L1** và ông **Phạm Đình T7** sinh được 04 người con gồm: ông **Phạm T7**, bà **Phạm Thị L**, bà **Phạm Thị C1**, ông **Phạm M1** (sinh năm 1963, chết năm 1990), ông **M1** có một người con tên **Phạm Thanh M**, sinh năm 1990 (thuộc diện thừa kế thế vị của ông **Phạm Minh T8** khối di sản của bà **Đình Thị L1**).

Năm 2003, bà **Đình Thị L1** chết không để lại di chúc, theo Biên bản họp gia đình ngày 15/01/2003 các con của bà **L1** gồm ông **T7**, bà **L** và bà **C1** thống nhất lập Biên bản họp gia đình phân chia di sản của bà **L1** để lại, cụ thể: giao cho bà **L** 150m² đất tại thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích đất còn lại của thửa 410 và thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01 thống nhất giao cho ông **Phạm T7** được trọn quyền sở hữu, sử dụng. Căn cứ Biên bản họp gia đình ngày 15/01/2003, ngày 12/8/2003 ông Trung lập Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất và làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 24/9/2004, ông **T7** được UBND huyện Núi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 802588 ngày 24/9/2004 cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 571,1m², loại đất màu và thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m², loại đất ở + đất vườn tại **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**.

[2.3] Ông **Phạm Minh C2** trước bà **L1**, thì con ông **Phạm M1** là anh **Phạm Thanh M** được quyền thừa kế thế vị đối với di sản của bà **L1** để lại theo quy định tại Điều 680 Bộ luật Dân sự năm 1995 (Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015). Tuy nhiên, tại thời điểm họp gia đình phân chia di sản thừa kế vào ngày 15/01/2003, chỉ có ông **T7**, bà **L** và bà **C1**, không có anh **M** tham gia họp và không phân chia phần di sản anh **M** được hưởng theo quy định pháp luật là không đúng quy định tại Điều 680 Bộ luật Dân sự năm 1995, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh **M**.

UBND huyện N căn cứ hồ sơ phân chia di sản và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định pháp luật do ông **T7** xác lập để ban hành Quyết định số 1945/QĐ-UB ngày 24/9/2004 về việc thừa nhận quyền thừa kế và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 24/9/2004 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 802588 cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 571,1m², loại đất màu và thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m², loại đất ở + đất vườn tại **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam** là không đúng quy định pháp luật.

Trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 802588 ngày 24/9/2004 do UBND huyện N cấp cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 409,

tờ bản đồ số 01, diện tích 571,1m², loại đất màu và thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m², loại đất ở + đất vườn tại **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam** cấp không đúng quy định pháp luật. Ngày 09/7/2019, ông **Phạm T7** có Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Ngày 19/7/2019, **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 371413 cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 1569, tờ bản đồ số 07, diện tích 795m² tại **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam** và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 371414 cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 07, diện tích 571,1m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hằng năm khác cũng không đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị L** về yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 371413 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 19/7/2019 cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 1569, tờ bản đồ số 07, diện tích 795m² tại **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 371414 ngày 19/7/2019 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 07, diện tích 571,1m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hằng năm khác, là có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của bà **Phạm Thị D1** không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Ngoài ra, trong đơn kháng cáo, bà **Phạm thị D1** đề nghị Toà án giải quyết yêu cầu bồi thường danh dự, nhân phẩm, tinh thần và tài sản cho gia đình ông **Phạm Trung** . Thấy rằng ông **Phạm T7** không kháng cáo và các nội dung này không nằm trong phạm vi giải quyết vụ án hành chính này.

Về nội dung, bà **D1** kiến nghị Toà án sửa đổi bổ sung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không hủy ngang GCNQSDĐ. Xét thấy, trong vụ án Hành chính khi thấy GCNQSDĐ không đúng pháp luật thì Toà án tuyên hủy; pháp luật không quy định cho Toà án có thẩm quyền sửa đổi bổ sung GCNQSDĐ.

Về án phí phúc thẩm hành chính: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận bà **Phạm Thị D1** phải chịu án phí phúc thẩm hành chính theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Phạm Thị D1**, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện người khởi kiện đã rút về yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 802588 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 24/9/2004 cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 571,1m², loại đất màu và thửa đất số 410, tờ bản đồ số 01, diện tích 795m², loại đất ở + đất vườn tại **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**.

[2] Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 680 Bộ luật Dân sự năm 1995; Luật Đất đai năm 1993; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử;

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà **Phạm Thị L**:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 371413 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 19/7/2019 cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 1569, tờ bản đồ số 07, diện tích 795m² tại **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 371414 ngày 19/7/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho hộ ông **Phạm T7** đối với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 07, diện tích 571,1m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hằng năm khác.

[2.2] Về án phí hành chính phúc thẩm: bà **Phạm Thị D1** phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000199 ngày 25/9/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Cường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tào Trần Quốc Cường

Nguyễn Cường